

Nghiên cứu khoa học và tư vấn chính sách - Chặng đường 30 năm của Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

Nguyễn Hữu Minh

Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

Lời Tòa soạn: Tháng 3 năm 2017, Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam tròn 30 tuổi. Với chức năng là một viện nghiên cứu cơ bản quốc gia về lĩnh vực gia đình và giới, trong 30 năm qua Viện đã triển khai nhiều nghiên cứu và thu được những kết quả quan trọng về mặt khoa học và tư vấn chính sách, đóng góp ngày càng hiệu quả hơn vào sự nghiệp chung của dân tộc. Bài viết này lược lại một số nét chính về thành quả hoạt động của Viện trong nghiên cứu khoa học và tư vấn chính sách những năm qua⁽¹⁾.

Từ khóa: Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới; Thành tựu nghiên cứu và tư vấn.

1. Quá trình thành lập

Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới với tên gọi đầu tiên là Trung tâm Nghiên cứu khoa học về Phụ nữ được chính thức thành lập tháng 3 năm 1987 theo quyết định số 95/KHXH-QĐ của Chủ nhiệm ủy ban Khoa học

Xã hội Việt Nam (nay là Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam). Đây là cơ quan đầu tiên ở Việt Nam nghiên cứu về phụ nữ và nó đã đánh dấu về mặt thể chế sự ra đời của một chuyên ngành khoa học mới ở Việt Nam là Nghiên cứu về phụ nữ. Việc thành lập Trung tâm Nghiên cứu khoa học về Phụ nữ đã đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển của phụ nữ giai đoạn sau Thập kỷ quốc tế phụ nữ và phù hợp với xu thế Đổi mới, mở cửa của đất nước cuối những năm 80 thế kỷ XX. Qua 30 năm, Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới đã trải qua nhiều bước phát triển với sự trưởng thành vượt bậc. Để đáp ứng với những yêu cầu mới của Đảng và Nhà nước đặt ra, Viện đã bốn lần có sự thay đổi về tên gọi và chức năng, nhiệm vụ: Đầu tiên là Trung tâm Nghiên cứu khoa học về Phụ nữ (1987-1994); năm 1994, nhân Năm Quốc tế về Gia đình, Trung tâm được giao thêm chức năng nghiên cứu về gia đình và đổi tên là Trung tâm Nghiên cứu khoa học về Gia đình và Phụ nữ (1994-2004); đến năm 2004, trong quá trình tái cơ cấu Viện Khoa học xã hội Việt Nam và nhấn mạnh đến nghiên cứu giới và bình đẳng giới ở Việt Nam, Trung tâm đã được nâng cấp lên thành Viện và mang tên Viện Gia đình và Giới. Năm 2012, trong quá trình hoàn thiện về cơ cấu tổ chức chuyển Viện Khoa học xã hội Việt Nam thành Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Gia đình và Giới một lần nữa được đổi tên thành Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới.

2. Kết quả nghiên cứu khoa học

Từ ngày thành lập, các hoạt động của Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới luôn gắn với chức năng, nhiệm vụ của Viện là nghiên cứu cơ bản những vấn đề lý luận và thực tiễn về gia đình và giới nhằm cung cấp cơ sở khoa học cho việc ban hành chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Trong 30 năm qua, Viện đã thực hiện nhiều đề tài/dự án cấp Nhà nước, cấp Bộ và cấp Viện. Chẳng hạn, các đề tài cấp nhà nước như Vai trò của gia đình trong xây dựng và phát triển nhân cách con người Việt Nam (1991-1995); Luận cứ khoa học cho việc đổi mới và hoàn thiện chính sách với gia đình và phụ nữ (1991-1995); Điều tra cơ bản về gia đình và người phụ nữ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa - khu vực phía Bắc (1998-2000); Điều tra cơ bản về thực trạng bình đẳng giới (2004-2006); Điều tra gia đình Việt Nam (2006); Chương trình cấp Bộ nghiên cứu những vấn đề cơ bản về gia đình và giới ở Việt Nam giai đoạn 2011-2020 (2009-2010); Chương trình cấp Bộ nghiên cứu Xây dựng gia đình Việt Nam 2011-2020 (2011-2012); Đề tài cấp Nhà nước: Hôn nhân xuyên biên giới với phát triển xã hội ở các tỉnh miền núi nước ta hiện nay (2014-2015); đề tài cấp Nhà nước: Hạnh phúc của người Việt Nam: quan niệm, thực trạng và chỉ số đánh giá (2015-2018); Hệ đề tài cấp Bộ trọng điểm:

Những đặc điểm cơ bản của hôn nhân ở Việt Nam hiện nay và những yếu tố ảnh hưởng (2016-2018); Những giá trị cơ bản của gia đình Việt Nam hiện nay (2016-2018); Ảnh hưởng của các yếu tố môi trường xã hội và kinh tế đến bạo lực gia đình (2016-2018). Viện cũng đã hợp tác với nhiều cơ quan trong nước và quốc tế thực hiện các đề tài khác. Có thể nêu ra một số đề tài/dự án sau: Khảo sát điều kiện lao động và sinh sống của nữ công nhân các lâm trường phía Bắc và gia đình họ (1987), với SIDA Thụy Điển; Tình hình phụ nữ làm chủ hộ gia đình trong các lâm trường quốc doanh và hợp tác xã nông nghiệp ở vùng nguyên liệu phía Bắc (1989-1993), với SAREC Thụy Điển; Tìm hiểu về cải cách kinh tế, việc làm của phụ nữ và chính sách xã hội (1994), với WIDER (World Institute for Development Economic Research của Liên Hợp quốc); Phụ nữ, nam giới và cải cách kinh tế ở nông thôn Việt Nam (1995-1996), với UNRISD; Sản xuất, tái sản xuất và phúc lợi gia đình - Nghiên cứu tình hình ở các hộ gia đình từ cách tiếp cận giới (1994-1995), với Population Council; Giới, nghèo đói và tiếp cận công lý ở Việt Nam (2003-2004), với Khoa Luật, Đại học Tổng hợp Nagoya, Nhật Bản; Sức khoẻ tình dục và sức khoẻ sinh sản của vị thành niên và thanh niên 3 nước châu Á (2006), với Bộ Y tế, Đại học Johns Hopkins (Hoa Kỳ); Quá trình nẩy sinh và phát triển của các hành vi bạo lực gia đình ở Việt Nam: Phát hiện từ một nghiên cứu định tính (2006-2007), với Quỹ Ford (Hoa Kỳ); Việc làm bền vững cho lao động giúp việc gia đình tại Việt Nam (2011) với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO); Khảo sát sức khỏe dân số (2008-2013) với Hội đồng KHXH Hoa Kỳ; Nữ nông dân ở Việt Nam và tăng trưởng toàn diện (2015) với UN Women; Hệ thống chăm sóc người già và trẻ em ở các nước châu Á (2016), với Đại học Tổng hợp Kyoto, Nhật Bản, v.v.

Nếu trong những năm đầu thành lập, các lĩnh vực nghiên cứu của Viện tập trung vào các vấn đề về phụ nữ như điều kiện lao động nữ trong các khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp; phụ nữ với vấn đề lao động việc làm; phụ nữ với phát triển kinh tế nông thôn; vai trò của người phụ nữ trong gia đình; phụ nữ đơn thân... thì ở giai đoạn 1992 trở đi, vấn đề gia đình và giới đã được chú ý hơn. Chẳng hạn: vai trò của gia đình trong xây dựng, phát triển nhân cách con người Việt Nam; giáo dục gia đình; chăm sóc sức khỏe trong gia đình; dân số và kế hoạch hóa gia đình; vấn đề xây dựng gia đình ở các nhóm gia đình đặc thù; chăm sóc người cao tuổi trong gia đình, v.v.

Từ năm 2004, sau khi Viện được tái cơ cấu, những nội dung nghiên cứu được điều chỉnh cho phù hợp với chức năng nhiệm vụ mới của Viện, và vì thế, các nội dung nghiên cứu cũng toàn diện hơn và chú ý nhiều hơn đến việc cung cấp cơ sở khoa học cho công tác hoạch định chính sách của

6 Nghiên cứu Gia đình và Giới. Quyển 27, số 1, tr. 3-16

Đảng và Nhà nước về gia đình và giới. Dưới đây là một số kết quả nghiên cứu khoa học và tư vấn chính sách về gia đình và giới, tập trung vào giai đoạn gần đây.⁽²⁾

Nghiên cứu về gia đình

Là một trong các cơ quan có nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu về lĩnh vực gia đình, 30 năm qua, các kết quả nghiên cứu của Viện đã góp phần phân tích và phát hiện hầu hết những nội dung quan trọng của gia đình Việt Nam trong thời kỳ Đổi mới. Những nghiên cứu cơ bản về gia đình của Viện đã góp phần phát hiện và lý giải những vấn đề mới xuất hiện của gia đình, chỉ ra những đặc điểm và xu hướng biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ Đổi mới: mô hình phân công lao động, quyền lực trong gia đình Việt Nam ở các vùng miền khác nhau; mô hình lựa chọn hôn nhân, xu hướng biến đổi tuổi kết hôn và mô hình sống; đặc điểm và sự biến đổi mối quan hệ giữa vợ và chồng trên các khía cạnh khác nhau như quan hệ kinh tế, quan hệ tâm lý - tình cảm...

Những năm gần đây Viện đã chú trọng hơn đến việc nghiên cứu một số chiều cạnh còn ít được quan tâm trong sự phát triển gia đình ở Việt Nam như đời sống văn hoá gia đình, lao động giúp việc gia đình, nhu cầu dịch vụ công về gia đình. Chẳng hạn, nghiên cứu về đời sống văn hoá của cư dân Hà Nội (2010-2011) đã cung cấp một bức tranh tương đối toàn diện về đời sống văn hóa và gia đình ở Hà Nội trong thập niên đầu thế kỷ 21, thông qua sự tham gia của các gia đình vào một số loại hình hoạt động văn hóa, nghệ thuật, giải trí cả trong phạm vi gia đình và ở quy mô cộng đồng và rộng hơn. Nghiên cứu về lao động giúp việc gia đình (2011) đã chỉ ra vai trò của người lao động giúp việc gia đình trong nền kinh tế và chăm sóc phi chính thức và các vấn đề mà nhóm lao động này đang gặp phải, nhận diện những mặt mạnh và hạn chế của pháp luật hiện hành về loại hình lao động này, làm cơ sở để Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tham khảo và sử dụng trong hoạch định chính sách đối với lao động giúp việc gia đình. Nghiên cứu về vấn đề dịch vụ công thuộc lĩnh vực gia đình (2015) đã tập trung phân tích một số dịch vụ công trong phạm vi chức năng, quyền hạn của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch hiện đang quản lý, đánh giá nhu cầu của người dân đối với các dịch vụ công đó, từ đó làm rõ nhiệm vụ quản lý nhà nước về dịch vụ công thuộc lĩnh vực gia đình của Bộ và đề xuất giải pháp quản lý.

Để có được một cách nhìn tổng thể về sự phát triển gia đình, Viện đã tiến hành những nghiên cứu đầu tiên về lịch sử gia đình Việt Nam trong thế kỷ 20 trên cơ sở kết hợp giữa phân tích tư liệu và nghiên cứu hồi ký. Việc phân tích xu hướng biến đổi gia đình là một vấn đề khó, đặc biệt trong điều kiện thiếu tư liệu nghiên cứu một cách trầm trọng, tuy nhiên

đây là một hướng đi đúng đắn và kịp thời để nhận diện chính xác sự phát triển của gia đình Việt Nam.

Viện đã có một số công trình hợp tác với Quỹ Ford, UNWomen tại Việt Nam, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch tập trung phân tích sâu thực trạng, diễn tiến, nguyên nhân của bạo lực gia đình, hiệu quả các giải pháp và chính sách áp dụng trong lĩnh vực phòng chống bạo lực gia đình, cũng như hệ quả xã hội và kinh tế của bạo lực gia đình. Công trình “*Ước tính thiệt hại kinh tế do bạo lực gia đình đối với phụ nữ tại Việt Nam*” (2012), hợp tác với UNWomen tại Việt Nam và hai học giả thuộc Đại Học Quốc Gia Ireland, Galway đã lần đầu tiên ước tính tổn thất kinh tế của bạo lực gia đình đối với phụ nữ tại Việt Nam. Xét về mặt xã hội, tổn thất kinh tế liên quan đến các hành vi bạo lực của chồng đối với vợ có thể chiếm đến 1,78% GDP hàng năm. Công trình này đã được cộng đồng khoa học quốc tế đánh giá cao và là cơ sở cho việc đề xuất những giải pháp quyết liệt hơn trong việc phòng, chống bạo lực gia đình.

Những nghiên cứu cơ bản về trẻ em cũng như mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái, đã góp phần làm sáng tỏ những cơ hội và thách thức đối với sự phát triển của trẻ em Việt Nam về các mặt tinh thần và thể chất. Với những khảo sát chuyên sâu hoặc phân tích số liệu thứ cấp về mối quan hệ cha mẹ-con cái, nghiên cứu của Viện đã góp phần nhận diện tác động của hội nhập quốc tế đến việc thực hiện quyền trẻ em ở Việt Nam, sự bất bình đẳng trong tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của trẻ em, định hướng nghề nghiệp cho các em cũng như sự tham gia của các em vào trong các quyết định gia đình, chính sách hỗ trợ bà mẹ chọn lựa dinh dưỡng bổ sung tốt và phù hợp nhất với trẻ nhỏ và một số vấn đề xã hội bức xúc đối với trẻ em hiện nay. Chẳng hạn, các kết quả nghiên cứu của Viện đã cho thấy một bộ phận không nhỏ trẻ em đang gặp khó khăn trong cuộc sống gia đình. Do gánh nặng kiếm sống, một bộ phận người làm cha làm mẹ đã không dành thời gian chăm sóc và quan tâm đến con cái, nhất là trong những gia đình nghèo, gia đình nông thôn, gia đình các dân tộc thiểu số. Kết quả nghiên cứu về trẻ em đã được cung cấp kịp thời đến các nhà quản lý, là cơ sở để đưa ra những luận cứ khoa học cho việc xây dựng Luật, các Nghị định, các chính sách xã hội nhằm phát huy vai trò to lớn của gia đình trong việc bảo đảm hạnh phúc và phát triển cho trẻ em.

Lĩnh vực nghiên cứu người cao tuổi và mối quan hệ giữa người cao tuổi với con cháu trong gia đình được Viện tập trung nghiên cứu trong 10 năm gần đây nhằm đáp ứng nhu cầu rất lớn về tri thức và phục vụ công tác hoạch định chính sách trong bối cảnh xu hướng già hóa dân số đang diễn ra với tốc độ ngày càng nhanh ở Việt Nam. Các nghiên cứu của Viện đã chỉ ra đặc điểm của nhóm người cao tuổi ở Việt Nam; chất lượng sống, cả

về tinh thần và vật chất của người cao tuổi; thách thức đối với việc chăm sóc người cao tuổi từ phía gia đình và xã hội trong bối cảnh hầu hết người cao tuổi không có trợ cấp xã hội, trong khi mối liên hệ với con cháu ngày càng yếu và mạng lưới hỗ trợ họ ở nhiều nơi còn thiếu và không hiệu quả. Mặc dù gia đình vẫn đang đóng vai trò chủ yếu phụng dưỡng, chăm sóc người cao tuổi và điều đó giúp cho nhà nước giảm áp lực về chi phí trong điều kiện nền kinh tế và ngân sách quốc gia còn gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên, mô hình chăm sóc này đang đối diện nhiều thách thức vì bản thân cuộc sống còn nhiều vất vả của con cháu. Biến đổi nhanh chóng của xã hội cũng đang làm cho một bộ phận không nhỏ người già cảm thấy thiếu được tôn trọng hơn trước đây. Ý thức về tự do cá nhân tăng lên, trong một chừng mực nhất định đã làm cho mối quan hệ ông bà - cha mẹ - con cháu không thuận chiều như trước đây và làm tăng những mâu thuẫn và xung đột thế hệ.

Những nghiên cứu cơ bản về người cao tuổi cũng như sự phân tích và đánh giá hệ thống chính sách hiện có của nhà nước đối với người cao tuổi, đã cung cấp căn cứ lý luận và thực tiễn để góp phần nâng cao hiểu biết xã hội và đề xuất một số quan điểm cơ bản và định hướng giải pháp chính sách đối với người cao tuổi phù hợp với giai đoạn phát triển mới của đất nước.

Nhìn chung, các mối quan hệ trong gia đình Việt Nam đang vận hành theo chiều hướng từ xã hội cổ truyền sang xã hội hiện đại, từ xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cũng khẳng định sức sống mãnh liệt của gia đình Việt Nam, những yếu tố nội tại góp phần duy trì sự bền vững của gia đình. Tác động của các nhân tố như quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về gia đình, đời sống vật chất được cải thiện, trình độ học vấn được nâng cao, v.v. đã tạo điều kiện thuận lợi cho các giá trị gia đình mang tính phổ quát toàn nhân loại thẩm sâu vào tâm hồn con người Việt Nam, nhưng đồng thời những giá trị nhân bản của gia đình truyền thống như thuỷ chung, tình nghĩa, trọng lão, v.v. lại góp phần làm cho các quan hệ gia đình không rời xa truyền thống. Quan hệ giữa các thành viên trong gia đình Việt Nam hiện nay chủ yếu là quan hệ hợp tác, hòa giải và đồng hóa lẫn nhau; còn xung đột, cạnh tranh và chống đối, không phải là trào lưu chủ đạo.

Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra những thách thức mới nảy sinh trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa như: 1. Xu hướng giảm quy mô, hạt nhân hóa và đa dạng hóa gia đình; 2. Vị thế của người phụ nữ trong gia đình chưa được cải thiện đáng kể; 3. Bạo lực gia đình đối với phụ nữ vẫn còn nghiêm trọng và lý hôn ngày càng tăng; 4. Xu hướng ưa thích con trai vẫn còn bảo lưu mạnh mẽ; 5. Sự “phân ly” của các gia đình trong quá

trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hậu quả của nó; 6. Thiếu vắng sự chăm sóc, giáo dục của các bậc cha mẹ đối với con cái; 7. Những bất cập về phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ em; 8. Gia đình gặp nhiều khó khăn trong việc chăm sóc người cao tuổi, đặc biệt cần quan tâm là một bộ phận người cao tuổi đang phải trải qua các hành vi bạo lực về thể chất, tinh thần và kinh tế do con cháu gây ra; 9. Hệ lụy từ hôn nhân qua môi giới của cô dâu Việt Nam với chú rể nước ngoài; 10. Xu hướng chuyển giá trị gia đình từ tính cộng đồng sang cá nhân.

Cũng cần nhấn mạnh là sự biến đổi trong các mối quan hệ gia đình ở Việt Nam hiện nay là không triệt để, không đồng đều và không thật ổn định giữa các nhóm xã hội khác nhau. Thông thường thì sự biến đổi này (kể cả trong quan hệ giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ và con cái, giữa ông bà và con cháu) diễn ra và chiếm tỷ lệ cao hơn ở nhóm có học vấn cao, rồi nhóm có học vấn trung bình, và sau cùng là nhóm học vấn thấp; tỷ lệ cao hơn ở đô thị, rồi nông thôn, và sau cùng là các nhóm ở vùng sâu, vùng xa hay các dân tộc ít người... Nhưng cũng có khi sự biến đổi lại diễn ra theo chiều hướng ngược lại. Chẳng hạn, cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở 2009 cho thấy, nhóm có học vấn cao và mức sống khá giả lựa chọn giới tính thai nhi và sinh con trai nhiều hơn hẳn so với nhóm có học vấn và mức sống thấp. Vì vậy, trong việc xây dựng các chiến lược phát triển gia đình bền vững, không thể không quan tâm đến các nhóm xã hội đặc thù này, cũng như không thể không lưu ý đến tính chất biến đổi không triệt để, không đồng đều và không ổn định trong sự biến đổi quan hệ gia đình mà cuộc nghiên cứu đã phát hiện.

Nghiên cứu về giới

Từ năm 2004, với việc chuyển trọng tâm từ nghiên cứu về phụ nữ sang nghiên cứu về giới, những nghiên cứu cơ bản về giới mà Viện tiến hành đã phân tích và luận giải thực trạng bất bình đẳng giới, đề xuất các giải pháp cải thiện tình hình, tăng cường lồng ghép giới, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu thực tiễn và lợi ích chiến lược giới, trong bối cảnh Việt Nam tăng cường hội nhập và phát triển. Thực trạng bất bình đẳng giới trên các lĩnh vực cơ bản như tham gia quản lý, lãnh đạo; lao động - việc làm; giáo dục - đào tạo; chăm sóc sức khoẻ cũng như bình đẳng giới trong đời sống gia đình đã được phân tích một cách chi tiết, xem xét từ nhiều góc độ khác nhau, ở nhiều phạm vi khác nhau.

Các nghiên cứu của Viện đã góp phần khẳng định những thành tựu về bình đẳng giới ở Việt Nam cũng như một số thách thức chủ yếu như: 1. Nhận thức của một bộ phận người dân và cán bộ các cấp về tầm quan trọng của bình đẳng giới và quyền con người của phụ nữ còn hạn chế; 2. Thực trạng bất bình đẳng giới vẫn còn nghiêm trọng trong lĩnh vực kinh

10 Nghiên cứu Gia đình và Giới. Quyển 27, số 1, tr. 3-16

tế, lao động và việc làm; 3. Bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo đã được nâng lên đáng kể trong những năm gần đây nhưng những thách thức vẫn còn rất đáng kể ở các nhóm phụ nữ vùng sâu, vùng xa, trong việc phát triển hệ thống giáo dục mầm non, khoảng cách giới còn cao trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng; 4. Tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản của phụ nữ vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số còn rất hạn chế; 5. Bất bình đẳng giới trong đời sống gia đình hiện là một trở ngại quan trọng trên con đường tiến tới bình đẳng giới thực sự.

Những phân tích giới cũng gắn chặt chẽ hơn với việc hoạch định chính sách, từ việc xem xét vấn đề bình đẳng giới ở các bộ luật lao động, bảo hiểm xã hội, cho đến lồng ghép giới vào quy trình xây dựng ngân sách quốc gia. Từ đó, Viện đã có những đóng góp nhất định trong việc xây dựng Luật Bình đẳng giới, đánh giá việc triển khai thực hiện Luật cũng như sửa đổi, bổ sung một số điều luật, chính sách khác liên quan đến lợi ích giới, bình đẳng giới...

Đáng chú ý là nghiên cứu bình đẳng giới không chỉ được thực hiện như một lĩnh vực nghiên cứu mà đã được Viện thúc đẩy như một cách tiếp cận quan trọng nhằm nâng cao trình độ lý luận và phân tích thực tiễn của cán bộ Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới nói riêng và những người quan tâm, nghiên cứu về vấn đề giới nói chung. Các chủ đề về lịch sử, khái niệm, quan điểm tiếp cận lý thuyết, phương pháp, các công cụ, chỉ báo phân tích giới... đã góp phần cung cấp tri thức, định hướng cụ thể cho việc xây dựng và đánh giá các chính sách, chương trình về bình đẳng giới, cũng như việc nâng cao nhận thức về vấn đề giới ở Việt Nam. Trên cơ sở kinh nghiệm, kỹ năng phân tích giới, Viện đã đúc kết, vận dụng để xây dựng một số tài liệu về lý luận và phương pháp phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và công tác phát triển về giới, cụ thể như vấn đề giới và xóa đói giảm nghèo, giới và lao động - việc làm, kỹ năng lồng ghép giới... cho các đối tượng khác nhau như đại biểu dân cử, cán bộ quản lý, cán bộ làm công tác chính trị - xã hội, sinh viên và những người quan tâm ở các cấp hoặc lĩnh vực khác nhau.

3. Tư vấn chính sách

Tư vấn chính sách là hoạt động thường xuyên, liên tục được Viện thúc đẩy ngay từ những ngày đầu thành lập. Các năm gần đây, hoạt động tư vấn của Viện ngày càng đa dạng và đi vào chiều sâu. Viện đã thực hiện hai nhóm hoạt động tư vấn chính, một là phục vụ việc xây dựng chính sách, chiến lược, các kế hoạch dài hạn và hai là tư vấn trực tiếp phục vụ phát triển cộng đồng trên nhiều lĩnh vực như chăm sóc sức khỏe, giáo dục, môi trường, trao quyền cho phụ nữ, v.v.

Đối với nhóm hoạt động thứ nhất, những kết quả nghiên cứu của Viện là bằng chứng thực tiễn đóng góp vào quá trình hoạch định chính sách và

xây dựng các quy định pháp luật liên quan, cụ thể là các chính sách giúp gia đình tổ chức tốt hơn cuộc sống của mình trong bối cảnh di cư ngày càng gia tăng, việc chăm sóc người cao tuổi trong gia đình; các biện pháp làm tăng độ gắn kết quan hệ vợ - chồng; thay đổi nhận thức của người dân về giá trị con cái; xử lý tốt hơn mối quan hệ cha mẹ - con cái vị thành niên; quy định pháp luật về lao động giúp việc gia đình và luật pháp bảo vệ quyền lợi của nhóm lao động này; tạo điều kiện cho người dân nâng cao mức độ hưởng thụ văn hóa; có các biện pháp phù hợp giảm thiểu tác hại đối với người hoạt động mại dâm, v.v. Các kết quả nghiên cứu đã góp phần vào việc cung cấp các bằng chứng thực tiễn cho quá trình hoạch định chính sách và xây dựng các quy định pháp luật liên quan, cụ thể đối với việc thực hiện Luật Bình đẳng giới, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, sửa đổi Luật Hôn nhân và Gia đình, sửa đổi Luật Lao động, v.v. Nhờ đó mà vị thế của Viện đóng góp vào việc hoạch định chính sách của Đảng và Nhà nước ngày càng tăng lên.

Viện đã phối hợp, tham gia tư vấn và góp ý kiến vào các dự thảo của Chiến lược Quốc gia về Bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020; Chương trình mục tiêu quốc gia về Bình đẳng giới 2011-2015 (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội); Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030 (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch); Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020 (Bộ Y tế); Kế hoạch Phát triển Kinh tế-xã hội 2011-2015 (Bộ Kế hoạch và Đầu tư); Chính sách đặc thù hỗ trợ hoạt động Bình đẳng giới tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (Ủy ban Dân tộc); Chương trình, đề án về Xây dựng đạo đức lối sống người phụ nữ và Dịch vụ giúp việc gia đình của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Lồng ghép giới vào quy trình ngân sách (Ủy ban Tài chính và Ngân sách Quốc hội); Sơ kết việc thực hiện Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ (Ban Dân vận TƯ); Kết hợp vấn đề giới vào Chiến lược Tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo; Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội 2006-2010; Đánh giá việc thực hiện Công ước CEDAW; Vấn đề giáo dục và phát triển nguồn nhân lực phục vụ việc xây dựng chiến lược vì sự tiến bộ của phụ nữ; Các chính sách cho gia đình của phụ nữ cô đơn, v.v.

Với nhóm hoạt động thứ hai, các chuyên gia của Viện đã tham gia tích cực vào việc xây dựng các chương trình hành động cụ thể cũng như triển khai và đánh giá các dự án can thiệp tại nhiều địa phương trên nhiều lĩnh vực. Chẳng hạn, các hoạt động tư vấn về nâng cao vai trò của người phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội; Cải thiện điều kiện lao động cho lao động nữ; Tác động của các dự án tín dụng nông thôn; Vấn đề trao quyền cho phụ nữ nông dân; Cải thiện mức sống của hộ gia đình qua cung cấp dịch vụ nước sạch và vệ sinh môi trường; Chương trình Giới và phòng

12 Nghiên cứu Gia đình và Giới. Quyển 27, số 1, tr. 3-16

chống HIV; Phòng chống bạo lực gia đình; Nâng cao địa vị, cải thiện điều kiện việc làm và thu nhập cho phụ nữ các dân tộc ít người; Giới và bảo trợ Xã hội, v.v. Nhiều phát hiện, đề xuất rút ra từ các hoạt động đánh giá và tư vấn này đã được đưa vào áp dụng trong thực tiễn và được các tổ chức cơ quan trong và ngoài nước đánh giá cao.

Phạm vi các đối tác tư vấn cũng mở rộng hơn. Viện trực tiếp tham gia tư vấn cho các cơ quan Chính phủ và Quốc hội như Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Y tế, Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em (trước 2008), Bộ Tài Nguyên và Môi trường, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Ủy ban Dân tộc Chính phủ, Ủy ban Các vấn đề xã hội của Quốc hội; các tổ chức chính trị, xã hội như Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Chăm sóc và bảo vệ Trẻ em, Hội Người cao tuổi. Bên cạnh đó là các tổ chức quốc tế SIDA - Thụy Điển, CIDSE, Hội đồng Dân số Mỹ, Quỹ FORD, UNICEF, UNWomen, CARE International, JICA, ActionAid... và một số tổ chức phi chính phủ khác tại Việt Nam.

Có thể nêu lên một số nghiên cứu gắn trực tiếp với chính sách được thực hiện trong một số năm gần đây như sau:

Điều tra Gia đình Việt Nam do Viện phối hợp với ủy Ban Dân số, Gia đình và Trẻ em (sau này là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) và Tổng Cục Thống kê tiến hành vào năm 2006, với sự hỗ trợ của UNICEF là cuộc điều tra đầu tiên về gia đình trên phạm vi toàn quốc tại Việt Nam. Cuộc điều tra cung cấp thông tin toàn diện về đặc điểm các mối quan hệ gia đình cũng như vai trò và trách nhiệm của mỗi thành viên. Đồng thời nó góp phần làm sáng tỏ những thay đổi các giá trị và chuẩn mực của gia đình dưới tác động của công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

Kết quả của cuộc điều tra đã cung cấp kịp thời những minh chứng thực tế để Chính phủ đưa ra các chính sách phù hợp, đặc biệt những chính sách liên quan tới việc triển khai, thực hiện hai bộ luật quan trọng mới ban hành là Luật Bình đẳng giới và Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Lợi ích từ kết quả cuộc điều tra với quy mô lớn lần đầu tiên về gia đình Việt Nam được Thủ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (cơ quan thay mặt Chính phủ chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về vấn đề gia đình), Huỳnh Vĩnh Ái nhận định: “*Những dữ liệu này sẽ được sử dụng làm cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc để xuất chính sách xây dựng các gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc, làm nền tảng cho việc theo dõi, đánh giá sự phát triển của gia đình cũng như tạo tiền đề để cho những nghiên cứu tiếp theo về gia đình ở Việt Nam*”.

Về chủ đề phòng chống bạo lực gia đình, nghiên cứu “*Bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam - Thực trạng, Diện tíen và Nguyên nhân*”, hợp tác với Quỹ Ford năm 2007, giúp phác họa quá trình nảy sinh, việc phát

hiện và giải quyết bạo lực gia đình cũng như các nguyên nhân của bạo lực gia đình đối với phụ nữ trong các gia đình Việt Nam và hiểu hơn bằng cách nào mà các yếu tố bảo vệ và nguy cơ, từ các cấp độ cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng đang góp phần làm tăng thêm hay hạn chế bạo lực gia đình. Nghiên cứu đã chỉ ra mức độ nghiêm trọng về bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam cùng với những hệ quả xã hội của nó. Từ đó, đề xuất một số khuyến nghị nhằm góp phần giảm bớt tệ nạn bạo lực gia đình dựa trên cơ sở giới. Có thể nói, công trình này thuộc nhóm các công trình đầu tiên phân tích một cách có hệ thống về quá trình này sinh bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam và có giá trị thực tiễn trong việc cung cấp luận cứ cho việc xây dựng Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

Ngoài ra, một số công trình khác hợp tác với Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về bạo lực gia đình trong các năm 2012-2013 đã cung cấp một bức tranh tổng thể về các hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình ở Việt Nam và hiệu quả của các hoạt động đó. Kết quả các công trình này đã được cung cấp cho đại biểu Quốc hội, đại diện các cơ quan Chính phủ để làm tài liệu tham khảo trong việc xây dựng các Nghị định có liên quan.

Nghiên cứu “*Việc làm bền vững đối với lao động giúp việc gia đình ở Việt Nam*” được Viện tiến hành năm 2011 với sự hỗ trợ của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) trong khuôn khổ Chương trình Chung về Bình đẳng giới giữa Chính phủ Việt Nam và Liên Hợp Quốc. Kết quả nghiên cứu khẳng định rằng, tại Việt Nam, mặc dù Bộ luật Lao động đã có những quy định đối với nhóm lao động giúp việc gia đình song còn thiếu các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn chi tiết việc thực hiện các quy định này, bao gồm những vấn đề liên quan đến đảm bảo quyền của người lao động như: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động giúp việc. Việc làm của lao động giúp việc gia đình tại Việt Nam chưa đạt được tiêu chuẩn việc làm bền vững vì còn tồn tại một số vấn đề, như: hợp đồng lao động đối với người lao động giúp việc gia đình nói chung và từng loại hình giúp việc nói riêng chưa được quan tâm thỏa đáng; Người lao động giúp việc hầu như không được hưởng một số quyền lợi liên quan đến an sinh xã hội như nghỉ thai sản, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, v.v. Một số đề xuất của Viện về quan điểm cơ bản và giải pháp chủ yếu nhằm thúc đẩy việc thực hiện mục tiêu việc làm bền vững cho nghề giúp việc tại Việt Nam đã được tổ chức ILO và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ghi nhận, trở thành luận chứng khoa học cho việc xây dựng các Nghị định hướng dẫn và sửa đổi, bổ sung bộ Luật Lao động liên quan đến hoạt động “giúp việc gia đình”.

Một vấn đề cũng rất được quan tâm trong thời gian gần đây là về mối quan hệ giữa hôn nhân xuyên biên giới và quản lý xã hội ở các tỉnh miền núi. Đề tài “*Hôn nhân xuyên biên giới với phát triển xã hội ở các tỉnh*

14 Nghiên cứu Gia đình và Giới. Quyển 27, số 1, tr. 3-16

miền núi nước ta hiện nay" (2014-2015) chỉ ra nhiều vấn đề xã hội, an ninh quốc phòng đặt ra từ các cuộc hôn nhân xuyên biên giới có ảnh hưởng lớn đến sự ổn định và phát triển xã hội ở các tỉnh miền núi nước ta hiện nay như: vấn đề quản lý nhân khẩu, hộ khẩu khu vực biên giới; quản lý cư dân qua lại đường biên dưới các hình thức di cư tìm việc làm, buôn bán, vận chuyển hàng cấm, buôn bán người, thăm thân...; việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội cho nhóm đối tượng liên quan đến hôn nhân xuyên biên giới như đăng ký khai sinh cho trẻ em có cha/mẹ kết hôn xuyên biên giới, đảm bảo quyền lợi cho phụ nữ Việt Nam kết hôn xuyên biên giới trở về, v.v.

Kết quả của đề tài đã được sử dụng là cơ sở khoa học giúp cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng báo cáo đề xuất với Chính phủ kế hoạch xây dựng chính sách quản lý hôn nhân xuyên biên giới và chính sách đối với phụ nữ và trẻ em từ kết hôn xuyên biên giới. Căn cứ vào đề xuất của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, ngày 16.11.2016, Văn phòng Chính phủ đã có công văn số 9859/VPCP-KGVX gửi tới các Bộ, ngành và các địa phương rà soát tình trạng trẻ em là con của những người phụ nữ kết hôn với người nước ngoài để kịp thời có chính sách đảm bảo quyền học tập và quyền hộ tịch, quốc tịch cho các cháu.

4. Một số định hướng nghiên cứu và tư vấn chính sách trong thời gian tới

Trong những năm tới, Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới tiếp tục hướng phát triển của một Viện nghiên cứu cơ bản về chuyên ngành gia đình và giới để khẳng định vị trí là một trong những cơ quan nghiên cứu hàng đầu về gia đình và giới, đáp ứng kịp thời những biến đổi kinh tế - xã hội đang diễn ra mạnh mẽ. Viện sẽ kết hợp chặt chẽ hơn công tác nghiên cứu lý luận cơ bản và nghiên cứu thực tiễn, xác định những nét đặc thù của Việt Nam khi vận dụng các lý thuyết nước ngoài và căn cứ vào thực tiễn để tổng kết, bổ sung lý luận.

Một số hoạt động trọng tâm sắp tới của Viện sẽ là:

- Nâng cao chất lượng các nghiên cứu, làm cơ sở vững chắc cho việc nhận thức tốt hơn đặc điểm gia đình và giới ở Việt Nam và cung cấp các luận cứ khoa học cho việc hoạch định chính sách về gia đình và giới.

- Tham gia tích cực vào công tác tư vấn hoạch định chính sách, đặc biệt là việc giám sát, đánh giá thực hiện các bộ Luật Bình đẳng giới, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Phòng chống bạo lực gia đình, Luật Lao động, Luật Thanh niên, Luật Trẻ em, Luật Người cao tuổi và các luật có liên quan; việc xây dựng các bộ luật khác và các văn bản hướng dẫn thực hiện liên quan đến gia đình và giới. Đa dạng hóa các hoạt động tư vấn. Ngoài việc triển khai các hoạt động phục vụ việc xây dựng chính sách, chiến lược

và các kế hoạch dài hạn, Viện tiến hành các hoạt động tư vấn trực tiếp phục vụ phát triển cộng đồng trên nhiều lĩnh vực như chăm sóc sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới, bạo lực gia đình...

- Kết hợp giữa việc thực hiện các đề tài nằm trong khuôn khổ chương trình nghiên cứu khoa học của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội với chủ động khai thác đề tài từ các quỹ hỗ trợ phát triển khoa học, từ các cơ quan liên quan ở cấp trung ương và địa phương cũng như tổ chức quốc tế nhằm đóng góp kịp thời vào việc hoạch định chính sách của Đảng và nhà nước.

- Đẩy mạnh hoạt động xuất bản và chia sẻ kết quả nghiên cứu trong nước và quốc tế, qua đó nâng cao năng lực chuyên môn, mạng lưới hợp tác của cán bộ trong Viện.

- Tiếp tục và đẩy mạnh hoạt động đào tạo và tự đào tạo của cán bộ nhằm xây dựng đội ngũ chuyên gia có năng lực chuyên môn về lĩnh vực gia đình và giới.

Những chủ đề trọng tâm Viện có thể tập trung nghiên cứu là:

- Tổng kết, vận dụng lý luận và phương pháp luận nghiên cứu gia đình và giới trong điều kiện Việt Nam. Biên soạn một số công trình trọng điểm về gia đình và giới làm cơ sở cho việc đào tạo cán bộ và tư vấn chính sách.

- Sự biến đổi vai trò, cơ cấu, chức năng của gia đình Việt Nam trong bối cảnh hiện đại hóa và hội nhập.

- Đặc điểm và xu hướng biến đổi các mối quan hệ gia đình, trong đó có mối quan hệ hôn nhân, đặc biệt là đời sống tâm lý tình cảm giữa vợ và chồng, sự trải nghiệm hôn nhân và chất lượng hôn nhân, các yếu tố tác động đến quan hệ vợ - chồng hạnh phúc và bền vững, cũng như ảnh hưởng của chất lượng hôn nhân đối với sự phát triển gia đình, cộng đồng và xã hội nói chung. Đồng thời xác định những vấn đề cần quan tâm giải quyết nhằm tạo nên mối quan hệ cha mẹ - con cái cũng như mối quan hệ giữa người cao tuổi và con cháu hoà thuận, dân chủ, người cao tuổi có cuộc sống an vui ở tuổi già, quyền trẻ em được bảo đảm.

- Đặc điểm tổ chức cuộc sống gia đình theo các nhóm dân tộc, tôn giáo. Những vấn đề cần quan tâm trong việc tổ chức cuộc sống gia đình ở nhóm gia đình có vợ hoặc/và chồng di cư làm việc (kể cả đi làm ăn xa trong nước và lao động ở nước ngoài), từ đó đề ra các giải pháp để giảm thiểu tác động tiêu cực do di cư gây ra đối với việc đảm bảo các quan hệ và chức năng gia đình.

- Đặc điểm tổ chức cuộc sống gia đình ở những nhóm gia đình mới, có xu hướng tăng lên trong quá trình hiện đại hóa như: sống chung không kết hôn, ly hôn, làm mẹ đơn thân, hôn nhân khác dân tộc, hôn nhân khác tôn giáo, hôn nhân với người nước ngoài qua môi giới, hôn nhân xuyên biên

16 Nghiên cứu Gia đình và Giới. Quyển 27, số 1, tr. 3-16

giới, hôn nhân quốc tế tại Việt Nam cùng những vấn đề phát sinh đối với việc quản lý phát triển xã hội.

- Quan niệm, thực trạng và các yếu tố tác động tới hạnh phúc gia đình ở người Việt Nam. Đặc điểm giá trị và sự biến đổi các giá trị về gia đình, tác động của những biến đổi đó đến sự phát triển xã hội nói chung. Đạo đức gia đình trong bối cảnh kinh tế thị trường, hiện đại hóa và hội nhập.

- Vai trò của người phụ nữ trong gia đình và xã hội. Bình đẳng giới trên các lĩnh vực cơ bản.

- Thực trạng vấn đề mại dâm, buôn bán phụ nữ và trẻ em gái ở Việt Nam và các chính sách phòng chống.

- Lịch sử sự phát triển gia đình và bình đẳng giới ở Việt Nam trong thế kỷ 20 và vai trò của các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa đối với những biến đổi của gia đình.

- Phân tích, đánh giá các chính sách có liên quan đến gia đình, phụ nữ, người cao tuổi, trẻ em và bình đẳng giới theo một số khía cạnh như: Đặc điểm quá trình hình thành chính sách ở từng lĩnh vực? Việc thi hành các chính sách gặp những trở ngại gì và các bài học kinh nghiệm trong việc giải quyết các trở ngại trong triển khai và thực hiện chính sách? Các chính sách xã hội ở từng lĩnh vực đã đạt được những thành tựu nào?

Thành tựu nghiên cứu khoa học và tư vấn chính sách những năm qua là tiền đề vững chắc để Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới tiếp tục phấn đấu. Bước vào tuổi 30 nhiều nội lực, toàn thể công chức, viên chức Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới vững tin rằng Viện sẽ có đóng góp ngày càng hiệu quả hơn vào sự nghiệp nâng cao vai trò, vị thế của phụ nữ, sự bền vững của gia đình và bình đẳng giới trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và góp phần tích cực vào việc phát triển chuyên ngành nghiên cứu gia đình và giới ở Việt Nam. ■

Chú thích

⁽¹⁾ Tác giả chân thành cảm ơn các cán bộ chủ chốt của Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới đã đóng góp ý kiến cho bài viết. Những đánh giá nêu ở trong bài được dựa vào hệ thống các đề tài nghiên cứu mà Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới đã hoàn thành, vì lý do khuôn khổ tạp chí chúng tôi không nêu nguồn chi tiết.

⁽²⁾ Bạn đọc có thể tham khảo thêm bài viết nhân dịp kỷ niệm 20 năm thành lập Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, đăng trên Tạp chí số 3, 2007 về các kết quả nghiên cứu giai đoạn trước đây.